

SỞ GDĐT TỈNH QUẢNG NAM
CỤM LIÊN TRƯỜNG THPT

(Đề thi có 4. trang)

KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024
LẦN 1

Bài thi : KHOA HỌC XÃ HỘI/ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Môn thi thành phần : LỊCH SỬ

Thời gian: 50 phút ,không kể thời gian phát đề

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi 401

Câu 1: Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi quyết định ở các đô thị vì đây là nơi

- A. có đông đảo quần chúng được giác ngộ.
- B. có nhiều thực dân, đế quốc.
- C. tập trung các trung tâm kinh tế - chính trị của kẻ thù.
- D. đặt cơ quan đầu não chỉ huy của ta.

Câu 2: Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Mĩ đã xuống thang, chấp nhận đàm phán để kết thúc chiến tranh Việt Nam.
- B. Nhiều nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong công cuộc xây dựng đất nước.
- C. Tất cả các nước Đông Nam Á đang tiến hành đấu tranh đòi độc lập.
- D. Hình thành nhiều tổ chức hợp tác trong khu vực.

Câu 3: Đặc điểm nổi bật của phong trào Cần vương giai đoạn từ năm 1885 đến năm 1888 là

- A. các cuộc khởi nghĩa có sự liên hệ với nhau thành phong trào lớn.
- B. quy tụ dân thành các trung tâm lớn và ngày càng lan rộng.
- C. nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, trọng tâm ở Nam Kỳ.
- D. hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ nổ ra trên phạm vi rộng lớn.

Câu 4: Nhân tố nào *không* phải nguyên nhân giúp các nước Tây Âu nhanh chóng khôi phục kinh tế sau chiến tranh?

- A. Nhận viện trợ của Mĩ thông qua kế hoạch “phục hưng châu Âu”.
- B. Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc quản lý và điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- C. Nhận được khoản bồi thường chiến phí khổng lồ để khôi phục kinh tế.
- D. Áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại.

Câu 5: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”. Vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, hãy cho biết đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi

- A. gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Vécxai nhưng không được chấp nhận.
- B. đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin.
- C. tham gia thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari.
- D. dự đại hội của Đảng Xã hội Pháp và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Câu 6: Năm 1936, ở Việt Nam các Ủy ban hành động được thành lập nhằm mục đích gì ?

- A. Chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa giành chính quyền.
- B. Biểu dương lực lượng khi đón phái viên của Chính phủ Pháp.
- C. Thu thập “dân nguyện” tiến tới Đông Dương Đại hội.
- D. Lập ra các Hội Ái hữu thay cho Công hội đỏ, Nông hội đỏ.

Câu 7: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước khởi đầu cho cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại.
- B. Cách mạng nông nghiệp.
- C. Cách mạng công nghiệp.
- D. Cách mạng công nghệ thông tin.

Câu 8: Mục đích của Đảng và chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ là

- A. tiêu diệt lực lượng địch ở Điện Biên Phủ, giải phóng toàn bộ Miền Bắc.
- B. tiêu diệt bộ phận sinh lực địch ở Điện Biên Phủ, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.
- C. giải phóng toàn bộ Miền Bắc, kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam.
- D. tiêu diệt lực lượng địch ở Điện Biên Phủ, giải phóng Tây Bắc tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

Câu 9: Quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của ba nước Đông Dương (1969-1973) được biểu hiện bằng sự kiện nào?

- A. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thành lập.
- B. Thành lập liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.
- C. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia.
- D. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương thành lập.

Câu 10: Chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở Miền Nam Việt Nam có điểm khác biệt về

- A. quy mô.
- B. kết cục.
- C. phương tiện.
- D. bản chất.

Câu 11: Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là gì?

- A. Liên minh với Mĩ và Liên Xô.
- B. Mở rộng quan hệ hợp tác trên thế giới.
- C. Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á.
- D. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

Câu 12: Chiến thắng nào của quân và dân miền Nam đánh dấu sự phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ?

- A. Bình Giã.
- B. Ba Gia.
- C. Ấp Bắc.
- D. An Lão.

Câu 13: Giai cấp nào chiếm số lượng đông đảo nhất trong cơ cấu xã hội Việt Nam trong thời kì cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp?

- A. Địa chủ.
- B. Tiểu tư sản thành thị.
- C. Công nhân.
- D. Nông dân.

Câu 14: Cuộc cách mạng đã đưa Ấn Độ trở thành cường quốc xuất khẩu phần mềm là

- A. Cách mạng xanh.
- B. Cách mạng dân tộc dân chủ.
- C. Cách mạng trắng.
- D. Cách mạng chất xám.

Câu 15: Định ước Henxinki, được kí kết giữa 33 nước châu Âu với Mĩ và Canada đã tạo ra một cơ chế giải quyết những vấn đề gì?

- A. Vấn đề xóa bỏ chế độ phát xít ở Châu Âu.
- B. Vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.
- C. Vấn đề liên quan kinh tế, tài chính.
- D. Vấn đề chống khủng bố ở châu Âu.

Câu 16: Tháng 1 / 1975 quân và dân Việt Nam đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch nào sau đây?

- A. Tây Nguyên.
- B. Đường 14 – Phước Long.
- C. Huế - Đà Nẵng.
- D. Đường 9 – Nam Lào.

Câu 17: Biểu hiện nào chứng tỏ cuộc cách mạng tháng Hai (1917) ở Nga là cuộc cách mạng dân chủ tư sản?

- A. Lực lượng chính của phong trào là công nhân.
- B. Bầu ra các xô viết đại biểu công nhân.
- C. Phương pháp đấu tranh là khởi nghĩa vũ trang
- D. Lật đổ chính quyền quân chủ chuyên chế.

Câu 18: Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) ảnh hưởng lớn nhất đến nền kinh tế Việt Nam trong lĩnh vực nào ?

- A. Xuất khẩu.
- B. Công nghiệp.
- C. Nông nghiệp.
- D. Thủ công nghiệp.

Câu 19: Giai cấp công nhân Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai có sự chuyển biến như thế nào?

- A. Vươn lên lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Tăng nhanh về chất lượng.
- C. Tăng nhanh về số lượng và chất lượng.
- D. Tăng nhanh về số lượng.

Câu 20: Nhằm bồi dưỡng sức dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng và Chính phủ ta đã đề ra chính sách nào?

- A. Mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.
- B. Chia lại toàn bộ ruộng công cho nông dân.
- C. Phát động triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất (từ đầu năm 1953).
- D. Đề ra chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khóa.

Câu 21: Phương hướng chiến lược của ta trong Đông Xuân 1953 – 1954 là gì?

- A. Đánh vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.
- B. Đánh về đồng bằng, nơi Pháp tập trung binh lực để chiếm giữ.

C. Đánh vào các căn cứ của Pháp vùng rừng núi, nơi quân ta có thể phát huy ưu thế tác chiến.

D. Đánh vào những vị trí chiến lược mà địch tương đối yếu ở Việt Nam.

Câu 22: Hội nghị Ianta (2-1945) nêu quyết định: Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật nhằm

A. trả thù bọn phát xít gây chiến tranh.

B. tránh nguy cơ chiến tranh thế giới.

C. để bảo vệ hòa bình thế giới.

D. để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Câu 23: Sau Cách mạng tháng Tám (1945) khó khăn lớn nhất đưa nước ta vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" là gì?

A. Khó khăn về thù trong.

B. Khó khăn về kinh tế.

C. Khó khăn về tài chính.

D. Khó khăn về giặc ngoại xâm.

Câu 24: Ý nào **không** phản ánh đúng nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau năm 1954?

A. Xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

B. Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai.

D. Thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

Câu 25: Cốt lõi của cuộc Cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

A. Cuộc cách mạng công nghiệp

B. Cách mạng Sinh học

C. Cách mạng công nghệ

D. Cách mạng kĩ thuật

Câu 26: Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô đi đầu thế giới trong lĩnh vực nào?

A. Công nghiệp quốc phòng, công nghiệp chế tạo.

B. Công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo.

C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

D. Công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.

Câu 27: Đặc điểm nổi bật của phong trào đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. chống lại chế độ độc tài Batixta.

B. chống lại chế độ độc tài thân Mỹ.

C. chống lại chế độ thực dân Tây Ban Nha.

D. chống lại chế độ thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 28: Tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (đầu năm 1930) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã thống nhất lấy tên Đảng là

A. Đông Dương Cộng sản đảng.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 29: Chính sách nhượng bộ phát xít của Anh, Pháp trong những năm 30 của thế kỉ XX đã gây ra hậu quả gì?

A. Tạo điều kiện cho các nước phát xít gây chiến tranh thế giới.

B. Tạo ra mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

C. Đè bẹp âm mưu mở rộng chiến tranh của các nước phát xít.

D. Làm tăng mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa với chủ nghĩa phát xít.

Câu 30: Điểm tương đồng của Cách mạng tháng Mười (1917) ở Nga và Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam là

A. đều lật đổ chế độ phong kiến.

B. lật đổ được ách thống trị của giai cấp tư sản.

C. cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

D. mở ra kỉ nguyên độc lập, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 31: Việc chuẩn bị điều kiện tư tưởng chính trị cho sự ra đời chính đảng vô sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc thể hiện ở hoạt động nào?

A. Năm 1920 Người khẳng định con đường cứu nước mới.

B. Sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

C. Truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc về nước.

D. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 32: Đây là ý nghĩa quan trọng nhất của trận Điện Biên Phủ trên không?

A. Buộc Mỹ kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Campuchia.

D. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng bắn các hoạt động chống phá miền Bắc.

Câu 33: Điểm khác nhau trong cách xác định nhiệm vụ cách mạng trước mắt giai đoạn 1936- 1939 so với giai đoạn 1930 – 1931 là gì?

A. Chống đế quốc và chống phong kiến.

B. Chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai.

C. Chống đế quốc phát xít Pháp – Nhật và tay sai.

D. Chống đế quốc, phản động tay sai.

Câu 34: Các chiến dịch của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) đều

A. từng bước làm phá sản kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

B. kết hợp đánh du kích, phục kích với công kiên.

C. làm phá sản các kế hoạch chiến tranh của Pháp.

D. giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 35: Điểm giống nhau giữa cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) và tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. có sự kết hợp giữa tiến công và nổi dậy.

B. lực lượng chính trị đóng vai trò quyết định thắng lợi.

C. diễn ra khi có yếu tố thời cơ thuận lợi.

D. có sự kết hợp giữa hai lực lượng chính trị và vũ trang.

Câu 36: Thông qua các hiệp định, văn bản kí kết với thực dân Pháp trong những năm 1946 – 1954 đã chứng tỏ điều gì về đường lối đối ngoại của Đảng và Chính phủ ta?

A. Coi công tác ngoại giao với Pháp là quyết định để bảo vệ độc lập dân tộc.

B. Nhân nhượng với Pháp một số quyền lợi trong quan hệ đối ngoại.

C. Thiện chí giải quyết mọi quan hệ với Pháp bằng con đường hòa bình.

D. Thể hiện chủ trương “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước”.

Câu 37: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam (1919- 1930) có điểm gì mới so với phong trào yêu nước những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX?

A. Thực hiện hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

B. Địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước.

C. Đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

D. Xác định đúng kẻ thù của cách mạng.

Câu 38: Những chuyển biến về kinh tế xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919- 1929) của thực dân Pháp đã

A. giúp các sĩ phu phong kiến Việt Nam chuyển hẳn sang lập trường tư sản.

B. thúc đẩy phong trào công nhân tự phát sang tự giác.

C. tạo điều kiện xuất hiện con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.

D. tạo điều kiện xuất hiện con đường cứu nước theo khuynh hướng tư sản.

Câu 39: Từ thực tiễn hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược (1945 – 1975) đã chứng minh chủ trương đánh lâu dài của Đảng ta chủ yếu là nhằm

A. làm thất bại hoàn toàn các kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của kẻ thù.

B. chuẩn bị lực lượng tổng phản công giành thắng lợi nhanh chóng.

C. giành thắng lợi từng bước , tiến lên tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định.

D. tạo thế và lực để các đế quốc công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

Câu 40: Ý nào sau đây **không** thể hiện tính triệt để của phong trào cách mạng 1930- 1931 ở Việt Nam?

A. Thành lập được chính quyền cách mạng ở Nghệ - Tĩnh.

B. Kết hợp mục tiêu của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

C. Đề ra khẩu hiệu “ Độc lập dân tộc” và “Người cày có ruộng”.

D. Xác định đúng kẻ thù của cách mạng là đế quốc và phong kiến.

----- HẾT -----

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	Mã đề																							
	40 1	40 2	40 3	40 4	40 5	40 6	40 7	40 8	40 9	41 0	41 1	41 2	41 3	41 4	41 5	41 6	41 7	41 8	41 9	42 0	42 1	42 2	42 3	42 4
1	C	A	B	D	A	A	C	C	D	B	A	B	A	D	D	C	C	A	A	D	A	C	B	C
2	B	B	B	B	B	C	D	C	C	C	B	B	C	A	B	D	B	A	B	A	A	B	B	A
3	D	D	A	A	D	D	C	D	D	A	A	C	B	A	A	C	A	C	A	C	B	C	C	B
4	C	C	C	B	D	B	A	C	A	D	C	B	A	B	A	A	B	D	C	A	A	D	D	A
5	B	D	D	B	A	C	C	B	B	D	B	B	B	D	C	C	B	A	B	C	C	A	B	A
6	C	B	B	A	C	A	D	C	D	C	B	C	A	B	D	A	C	B	D	B	A	B	B	C
7	A	B	A	B	C	A	D	C	B	A	C	B	C	A	B	C	B	B	D	D	A	B	A	C
8	D	A	A	D	D	A	D	C	B	B	C	C	B	B	B	C	B	B	C	B	C	B	B	D
9	C	A	C	B	A	A	C	B	D	C	B	B	D	A	B	C	A	B	C	C	A	A	A	B
10	A	A	C	B	B	C	B	D	D	B	D	D	D	A	C	B	C	C	A	B	A	A	A	C
11	D	B	C	C	A	B	A	B	A	B	C	C	A	A	C	D	C	A	D	D	A	B	D	A
12	A	C	A	A	D	C	B	B	C	C	B	A	D	D	A	A	C	A	D	D	A	B	B	B
13	D	A	D	C	C	D	C	A	B	C	A	A	D	D	D	B	B	C	B	A	D	D	D	B
14	D	C	C	A	A	C	D	C	A	A	D	D	B	A	B	C	B	C	C	B	D	A	C	B
15	B	B	A	B	C	C	C	C	C	C	A	C	B	A	B	D	C	A	B	B	B	C	C	A
16	B	B	D	B	B	A	A	D	C	D	A	C	A	A	B	D	B	B	A	D	B	A	A	C
17	D	B	A	D	C	D	B	C	C	C	C	C	B	D	C	D	D	D	A	D	A	A	B	A
18	C	B	B	C	A	B	D	A	A	B	C	D	D	A	C	A	C	C	A	D	A	C	C	B
19	C	A	C	A	C	A	B	B	D	A	D	B	C	D	D	D	C	B	A	A	D	C	A	C
20	C	B	B	C	A	C	D	A	A	B	B	B	C	A	A	A	C	A	B	A	D	B	A	C
21	A	D	A	A	B	D	B	A	B	D	D	A	D	D	A	B	B	A	D	D	D	D	C	A
22	D	B	A	D	C	A	D	A	B	A	B	A	B	B	C	D	C	D	A	B	B	A	C	A
23	D	D	D	D	C	A	C	C	D	A	B	D	C	B	C	A	B	D	A	B	A	B	D	B
24	A	C	C	B	D	A	B	C	B	C	B	D	C	A	A	D	C	A	C	B	A	C	C	D
25	D	A	C	C	B	A	C	D	B	C	D	D	B	C	D	A	D	D	C	D	C	C	A	B
26	D	C	B	C	D	C	A	B	B	D	D	C	B	D	C	D	B	A	A	A	A	A	D	A
27	B	A	D	A	D	D	B	C	B	D	B	A	C	C	B	A	D	B	B	D	B	B	B	D
28	C	B	C	B	B	C	D	A	B	A	C	B	D	B	D	B	C	C	D	D	A	A	B	D
29	A	D	D	D	A	D	D	D	A	D	D	D	A	D	D	D	A	D	D	D	A	D	D	D
30	C	B	D	D	C	B	D	D	C	B	D	D	C	B	D	D	C	B	D	D	C	B	D	D
31	C	A	B	A	C	A	B	A	C	A	B	A	C	A	B	A	C	A	B	A	C	A	B	A
32	A	A	D	C	A	A	D	C	A	A	D	C	A	A	D	C	A	A	D	C	A	A	D	C
33	B	A	A	B	B	A	A	B	B	A	A	B	B	A	A	B	B	A	A	B	B	A	A	B
34	C	C	A	A	C	C	A	A	C	C	A	A	C	C	A	A	C	C	A	A	C	C	A	A
35	C	D	B	C	C	D	B	C	C	D	B	C	C	D	B	C	C	D	B	C	C	D	B	C
36	C	C	C	A	C	C	C	A	C	C	C	A	C	C	C	A	C	C	C	A	C	C	C	A
37	A	C	D	C	A	C	D	C	A	C	D	C	A	C	D	C	A	C	D	C	A	C	D	C
38	C	B	C	C	C	B	C	C	C	B	C	C	C	B	C	C	C	B	C	C	C	B	C	C
39	C	A	A	A	C	A	A	A	C	A	A	A	C	A	A	A	C	A	A	A	C	A	A	A
40	B	A	D	B	B	A	D	B	B	A	D	B	B	A	D	B	B	A	D	B	B	A	D	B